

06/6  
D71.108

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21YKB

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

06 / 6 / 2023

Phòng thi: D71.108

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|----------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 116021006 | Trần Ngọc Hiếu       | 28/02/2002 | Nam  | 10,0   | 7,0     | 8,5      | 001          |        |              |        |
| 2   | 116021007 | Phạm Chí Bảo         | 11/06/2003 | Nam  | 10,0   | 7,5     | 8,8      | 002          |        |              |        |
| 3   | 116021008 | Lê Văn Phúc          | 21/04/2003 | Nam  | 10,0   | 8,3     | 9,2      | 003          |        |              |        |
| 4   | 116021019 | Phạm Quốc Thịnh      | 20/09/2003 | Nam  | 10,0   | 8,3     | 9,2      | 004          |        |              |        |
| 5   | 116021036 | Bùi Ngọc Anh Văn     | 08/12/2003 | Nữ   | 10,0   | 8,5     | 9,3      | 005          |        |              |        |
| 6   | 116021040 | Đoàn Thị Xuân Mai    | 06/03/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,0     | 8,0      | 006          |        |              |        |
| 7   | 116021041 | Nguyễn Huỳnh Đô      | 30/04/2002 | Nam  | 10,0   | 6,8     | 8,4      | 007          |        |              |        |
| 8   | 116021046 | Nguyễn Ngọc Trâm     | 10/01/2002 | Nữ   | 10,0   | 7,5     | 8,8      | 008          |        |              |        |
| 9   | 116021048 | Đỗ Ngọc Duyên        | 24/10/2002 | Nữ   | 10,0   | 7,3     | 8,7      | 009          |        |              |        |
| 10  | 116021052 | Trương Khánh Văn     | 25/05/2001 | Nam  | 10,0   | 5,3     | 7,7      | 010          |        |              |        |
| 11  | 116021067 | Nguyễn Mỹ Ngân       | 30/10/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,8     | 8,4      | 011          |        |              |        |
| 12  | 116021074 | Bùi Xuân Vũ          | 24/11/2003 | Nam  | 10,0   | 6,0     | 8,0      | 012          |        |              |        |
| 13  | 116021081 | Trịnh Đức Anh        | 19/05/2003 | Nam  | 10,0   | 7,8     | 8,9      | 013          |        |              |        |
| 14  | 116021082 | Châu Nguyễn Tường Vy | 06/04/2003 | Nữ   | 10,0   | 8,8     | 9,4      | 014          |        |              |        |
| 15  | 116021095 | Trần Thị Hoàng Oanh  | 26/02/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,0     | 8,5      | 015          |        |              |        |
| 16  | 116021100 | Quảng Nữ Hằng Nga    | 07/07/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,8     | 8,4      | 016          |        |              |        |
| 17  | 116021107 | Nguyễn Thị Quỳnh Như | 09/12/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,8     | 8,9      | 017          |        |              |        |
| 18  | 116021108 | Cao Vãng Diễm Thanh  | 17/03/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,3     | 8,7      | 018          |        |              |        |
| 19  | 116021116 | Trần Minh Thuận      | 26/11/2003 | Nam  | 10,0   | 7,5     | 8,8      | 019          |        |              |        |
| 20  | 116021121 | Đặng Quốc Huy        | 18/05/2003 | Nam  | 10,0   | 6,8     | 8,9      | 020          |        |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: Lưu Cao Dương phương Lan

Cán bộ coi thi 2: .....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Thúy Hằng

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21YKB

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

06/6/2023

Phòng thi: 071.109

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV           | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|------------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 116021159 | Bùi Ngọc Thanh Xuân    | 17/05/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,3     | 8,7      | 001          |        |              |        |
| 2   | 116021160 | Dương Minh Trâm Anh    | 21/01/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,8     | 8,9      | 002          |        |              |        |
| 3   | 116021167 | Hồ Nhật Duy            | 20/10/2003 | Nam  | 10,0   | 6,5     | 8,3      | 003          |        |              |        |
| 4   | 116021182 | Trần Hồng Chương       | 04/10/2003 | Nam  | 10,0   | 8,8     | 9,4      | 004          |        |              |        |
| 5   | 116021185 | Nguyễn Bùi Trúc Linh   | 20/06/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,3     | 8,7      | 005          |        |              |        |
| 6   | 116021196 | Trương Gia Lạc         | 11/07/2003 | Nam  | 10,0   | 7,0     | 8,5      | 006          |        |              |        |
| 7   | 116021197 | Trần Minh Thuận        | 23/11/2002 | Nam  | 9,9    | 7,8     | 8,9      | 007          |        |              |        |
| 8   | 116021209 | Diệp Thanh Thuận       | 27/05/2003 | Nam  | 10,0   | 8,0     | 9,0      | 008          |        |              |        |
| 9   | 116021211 | Dương Thị Kim Yến      | 10/01/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,8     | 8,9      | 009          |        |              |        |
| 10  | 116021216 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 25/04/2003 | Nữ   | 9,9    | 7,5     | 8,7      | 001          |        |              |        |
| 11  | 116021221 | Lê Ngọc Diễm           | 23/04/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,0     | 8,0      | 011          |        |              |        |
| 12  | 116021223 | Lê Phương Đình         | 20/01/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,3     | 8,7      | 012          |        |              |        |
| 13  | 116021232 | Trương Thị Huyền Trân  | 09/11/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,3     | 8,2      | 013          |        |              |        |
| 14  | 116021349 | Phan Thái Duy          | 05/01/2003 | Nam  | 10,0   | 5,5     | 7,8      | 014          |        |              |        |
| 15  | 116021354 | Võ Thị Ngọc Tuyền      | 21/05/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,8     | 8,4      | 015          |        |              |        |
| 16  | 116021357 | Lê Thị Thu Ngân        | 23/05/2002 | Nữ   | 8,6    | 5,8     | 7,2      | 016          |        |              |        |
| 17  | 116021368 | Trần Minh Quang        | 13/11/2003 | Nam  | 10,0   | 8,3     | 9,2      | 017          |        |              |        |
| 18  | 116021369 | Nguyễn Quang Nhã       | 15/01/2003 | Nam  | 10,0   | 8,0     | 9,0      | 018          |        |              |        |
| 19  | 116021375 | Chiêm Hoàng Minh       | 09/05/2003 | Nam  | 10,0   | 8,0     | 9,0      | 019          |        |              |        |
| 20  | 116021376 | Phan Yến Ngọc          | 21/12/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,3     | 8,2      | 020          |        |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Hằng

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Phan Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Hằng

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21YKB

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
06 / 06 / 2023

Phòng thi: D11. 112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV |      | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký        | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|--------------|------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|---------------|--------------|--------|
| 1   | 116021377 | Đào Thị Ngọc | Lan  | 30/03/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,8     | 8,4      | 001          | <u>am</u>     |              |        |
| 2   | 116021378 | Trương Thuỳ  | Như  | 26/05/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,3     | 8,2      | 002          | <u>Trương</u> |              |        |
| 3   | 116021379 | Phan Hoàng   | Minh | 17/01/2003 | Nam  | 10,0   | 6,5     | 8,3      | 003          | <u>Phan</u>   |              |        |
| 4   | 116021380 | Nguyễn Hồng  | Ngọc | 06/12/2002 | Nữ   | 8,9    | 5,8     | 7,4      | 004          | <u>Ngọc</u>   |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm:.....

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Trần Văn

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Linh

**Danh Sách Ghi Điểm**

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21YKC

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

06/06/2023

Phòng thi: D71.110

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV            | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký              | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-------------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|---------------------|--------------|--------|
| 1   | 116021005 | Dương Thị Ngọc Kim Ngân | 02/06/2003 | Nữ   | 9,4    | 5,5     | 7,5      | 001          | <u>Ngân</u>         |              |        |
| 2   | 116021022 | Nguyễn Lâm Ngọc Hân     | 22/09/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,0     | 8,5      | 002          | <u>Ngọc Hân</u>     |              |        |
| 3   | 116021024 | Lê Xuân Huỳnh           | 18/08/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,5     | 8,3      | 003          | <u>Xuân</u>         |              |        |
| 4   | 116021029 | Trần Hoàng Phúc         | 13/10/2002 | Nam  | 9,4    | 5,8     | 7,6      | 004          | <u>Phúc</u>         |              |        |
| 5   | 116021037 | Nguyễn Ngọc Sang        | 06/06/2003 | Nam  | 10,0   | 4,8     | 7,4      | 005          | <u>Sang</u>         |              |        |
| 6   | 116021053 | Trần Đại Tân            | 01/08/2002 | Nam  | 10,0   | 5,5     | 7,8      | 006          | <u>Tân</u>          |              |        |
| 7   | 116021054 | Lê Minh Phương          | 26/03/2002 | Nam  | 10,0   | 5,8     | 7,9      | 007          | <u>Phương</u>       |              |        |
| 8   | 116021056 | Danh Thị Ngọc Nhi       | 21/11/2002 | Nữ   | 9,6    | 6,3     | 8,0      | 008          | <u>Ngọc Nhi</u>     |              |        |
| 9   | 116021059 | Lại Gia Huy             | 19/03/2002 | Nam  | 9,7    | 7,3     | 8,5      | 009          | <u>Huy</u>          |              |        |
| 10  | 116021069 | Nguyễn Hoàng Linh       | 18/12/2002 | Nam  | 10,0   | 5,8     | 7,9      | 010          | <u>Linh</u>         |              |        |
| 11  | 116021085 | Thạch Chí Hạo           | 25/09/2002 | Nam  | 8,7    | 6,5     | 7,6      | 011          | <u>Hạo</u>          |              |        |
| 12  | 116021089 | Lê Thị Minh Thương      | 08/01/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,5     | 8,3      | 012          | <u>Minh Thương</u>  |              |        |
| 13  | 116021092 | Phan Lê Vân             | 16/12/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,0     | 8,5      | 013          | <u>Phan Vân</u>     |              |        |
| 14  | 116021103 | Lê Phương Linh          | 19/10/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,5     | 8,8      | 014          | <u>Linh</u>         |              |        |
| 15  | 116021111 | Nguyễn Duy Tân          | 08/02/2003 | Nam  | 10,0   | 7,8     | 8,9      | 015          | <u>Tân</u>          |              |        |
| 16  | 116021123 | Nguyễn Ngọc Bảo Như     | 10/12/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,0     | 8,5      | 016          | <u>Ngọc Bảo Như</u> |              |        |
| 17  | 116021125 | Nguyễn Phạm Anh Thư     | 01/01/2003 | Nữ   | 10,0   | 8,5     | 9,3      | 017          | <u>Anh Thư</u>      |              |        |
| 18  | 116021136 | Nguyễn Trí Tín          | 16/09/2003 | Nam  | 10,0   | 6,8     | 8,4      | 018          | <u>Tín</u>          |              |        |
| 19  | 116021168 | Ngô Thị Yến Như         | 14/08/2002 | Nữ   | 9,6    | 7,0     | 8,3      | 019          | <u>Yến Như</u>      |              |        |
| 20  | 116021169 | Lê Huỳnh Hưng           | 29/04/2003 | Nam  | 10,0   | 7,3     | 8,7      | 020          | <u>Hưng</u>         |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Trần Văn Thiên

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....%; Điểm KT:.....%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn Lê

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

**Danh Sách Ghi Điểm**

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21YKC

CBGD: Nguyễn Thị Thủy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
06/6/2023

Phòng thi: D71.111

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV          | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đổi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-----------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 116021173 | Nguyễn Thanh Nhân     | 01/08/2000 | Nam  | 10,0   | 7,3     | 8,7      | 001          |        |              |        |
| 2   | 116021178 | Nguyễn Khang Hi       | 23/10/2003 | Nam  | 9,1    | 7,0     | 8,1      | 002          |        |              |        |
| 3   | 116021187 | Lê Thị Kiều My        | 20/07/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,0     | 8,5      | 003          |        |              |        |
| 4   | 116021188 | Nguyễn Huỳnh Tú Uyên  | 26/08/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,0     | 8,5      | 004          |        |              |        |
| 5   | 116021192 | Lê Thành Công         | 29/09/2003 | Nam  | 10,0   | 7,5     | 8,8      | 005          |        |              |        |
| 6   | 116021194 | Dương Hoàng Phúc      | 29/04/2003 | Nam  | 10,0   | 4,8     | 7,4      | 006          |        |              |        |
| 7   | 116021195 | Đặng Thị Hồng Tím     | 30/04/2003 | Nữ   | 10,0   | 5,8     | 7,9      | 007          |        |              |        |
| 8   | 116021200 | Trần Huỳnh Như        | 23/03/2002 | Nữ   | 10,0   | 8,3     | 9,2      | 008          |        |              |        |
| 9   | 116021204 | Nguyễn Bùi Trung Hiếu | 27/02/2003 | Nam  | 10,0   | 8,0     | 9,0      | 009          |        |              |        |
| 10  | 116021205 | Nguyễn Thị Hồng Nhiên | 05/12/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,5     | 8,8      | 010          |        |              |        |
| 11  | 116021230 | Huỳnh Minh Phương     | 02/01/2003 | Nam  | 10,0   | 5,3     | 7,7      | 011          |        |              |        |
| 12  | 116021231 | Lê Thị Ngọc Quỳ       | 22/10/2002 | Nữ   | 10,0   | 5,8     | 7,9      | 012          |        |              |        |
| 13  | 116021245 | Trà Tuấn Kiệt         | 28/04/2003 | Nam  | 8,3    | 6,5     | 7,4      | 013          |        |              |        |
| 14  | 116021333 | Trần Trung Nghĩa      | 24/10/2002 | Nam  | 10,0   | 5,5     | 7,8      | 014          |        |              |        |
| 15  | 116021334 | Trần Thị Thuý Huỳnh   | 28/06/2003 | Nữ   | 10,0   | 7,3     | 8,7      | 015          |        |              |        |
| 16  | 116021335 | Nguyễn Thy Oanh       | 19/03/2003 | Nữ   | 9,6    | 6,0     | 7,8      | 016          |        |              |        |
| 17  | 116021336 | Đoàn Thị Thảo Vy      | 02/11/2002 | Nữ   | 10,0   | 6,0     | 8,0      | 017          |        |              |        |
| 18  | 116021337 | Lê Huỳnh Thuý Vi      | 15/05/2003 | Nữ   | 10,0   | 5,5     | 7,8      | 018          |        |              |        |
| 19  | 116021343 | Nguyễn Thành Triệu    | 22/06/2003 | Nam  | 8,9    | 4,5     | 6,7      | 019          |        |              |        |
| 20  | 116021344 | Hồ Duy Phong          | 22/03/2002 | Nam  | 9,3    | 5,8     | 7,6      | 020          |        |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21YKC

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
06 / 06 / 2023

Phòng thi: D71 112

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV         | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký     | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|----------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|------------|--------------|--------|
| 1   | 116021350 | Nguyễn Tấn Phát      | 20/11/2003 | Nam  | 9,9    | 8,0     | 9,0      | 005          | <u>Nh</u>  |              |        |
| 2   | 116021353 | Huỳnh Nguyễn Gia Hân | 07/11/2002 | Nữ   | 9,4    | 6,0     | 7,7      | 006          | <u>H</u>   |              |        |
| 3   | 116021373 | Lý Thị Kiều Linh     | 13/10/1991 | Nữ   | 8,7    | 8,0     | 8,4      | 007          | <u>KLC</u> |              |        |
| 4   | 116021374 | Đặng Thị Ngọc Bế     | 09/06/1985 | Nữ   | 9,5    | 6,5     | 8,0      | 008          | <u>B</u>   |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 04..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 04..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 04..

Tổng số tờ: ..

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Như

Cán bộ ghi điểm: Quang

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2: ..

Cán bộ kiểm tra: Linh

Nguyễn Thị Linh

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)  
Số tín chỉ 2  
Nhóm/Lớp: (82 - )/DA22QKDB  
CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá:.....TN.....  
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
.....06...../.....06...../.....2023.....  
Phòng thi:.....D71.112.....

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV      | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/Mã đề | Chữ ký             | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-------------------|------------|------|--------|---------|----------|-------------|--------------------|--------------|--------|
| 1   | 112222056 | Ngô Đỗ Trọng Nhân | 24/02/2004 | Nam  | 8,9    | 6,3     | 7,6      | 009         | <i>[Signature]</i> |              |        |
| 2   | 112222145 | Văn Quốc Tỳ       | 15/10/2002 | Nam  | 8,0    | 4,8     | 6,4      | 012         | <i>[Signature]</i> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....02.....  
Tổng số sv, hs dự đánh giá: .....02.....  
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....02.....  
Tổng số tờ:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày ..09.. tháng ..6..... năm ..2023

Cán bộ coi thi 1:.....

Cán bộ ghi điểm:.....

*[Signature]*  
Nguyễn Thị Ngọc Huyền

*[Signature]*  
Trần Văn Khoa

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

*[Signature]*  
Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA22YKA

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
.....06...../.....06...../.....2023.....

Phòng thi:.....DTH 112.....

| STT | Mã SV       | Họ và tên SV   |     | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-------------|----------------|-----|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 116022282LT | Phan Thị Huyền | Anh | 10/09/1988 | Nữ   | 9,8    | 5,3     | 7,6      | 010          | vuonl  |              |        |
| 2   | 116022283LT | Đào Trọng      | Hội | 08/10/1995 | Nam  | 10,0   | 5,3     | 7,7      | 011          | TH     |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....02.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: .....02.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....02.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày .....09..... tháng .....6..... năm .....2023.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ ghi điểm:.....

Trần Văn Lâm

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Linh

06/6  
D71.107

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA20YKD

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TH

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
06 / 6 / 2023

Phòng thi: D71.107

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV  | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|---------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 116020858 | Yaung Sivyeng | 06/07/2001 | Nam  | 7,0    | 5,75    | 6,4      | 001          | Yen    |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: .....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: .....

Nguyễn Thị Trà My

Cán bộ ghi điểm: .....

Phan Sơn La

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: .....

Nguyễn Thị Lanh

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)  
Số tín chỉ 2  
Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21QV  
CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá:.....TN.....  
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
.....06...../.....6...../.....2023.....  
Phòng thi: DTA. 107.....

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV          | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-----------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------|--------------|--------|
| 1   | 110921001 | Nguyễn Ngọc Minh Châu | 19/01/2003 | Nữ   | 9,7    | 7,25    | 8,5      | 002          | Jchau  |              |        |
| 2   | 110921009 | Huỳnh Văn Duy Khánh   | 16/11/2003 | Nam  | 9,6    | 4,75    | 7,2      | 003          | Chg    |              |        |
| 3   | 110921023 | Lê Nguyễn Hữu Thắng   | 15/01/2003 | Nam  | 8,7    | 4,5     | 6,6      | 004          | Phan   |              |        |
| 4   | 110921030 | Nguyễn Hoàng Thơ      | 07/08/2003 | Nữ   | 8,8    | 6,5     | 7,7      | 005          | Tho    |              |        |
| 5   | 110921033 | Trần Thị Hạnh Tiên    | 20/05/2003 | Nữ   | 9,3    | 6,75    | 8,1      | 006          | Thi    |              |        |
| 6   | 110921048 | Lê Anh Thư            | 12/12/2003 | Nữ   | 8,2    | 5,75    | 7,0      | 007          | Thu    |              |        |
| 7   | 110921049 | Nguyễn Ngọc Khả Vy    | 31/05/2002 | Nữ   | 8,3    | 6,5     | 7,4      | 008          | Vy     |              |        |
| 8   | 110921139 | Trần Thị Thanh Trúc   | 14/07/2003 | Nữ   | 9,2    | 6,75    | 8,0      | 009          | Thanh  |              |        |
| 9   | 110921159 | Thạch Qui Sách        | 01/01/2001 | Nam  | 8,9    | 6,25    | 7,6      | 010          | Qui    |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09.....  
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09.....  
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09.....  
Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Trà My

Cán bộ ghi điểm: Phan Tôn Ba

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21TTB

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá:.....*TT*.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

*06*...../*6*...../*2023*

Phòng thi:.....*DT1, 107*.....

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV | Ngày sinh | Phái       | Đ.TBQT | Điểm KT  | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký   | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|--------------|-----------|------------|--------|----------|----------|--------------|----------|--------------|--------|
| 1   | 110121083 | Sơn Sơn      | Phía      | 20/08/2003 | Nam    | <i>—</i> | <i>—</i> | <i>—</i>     | <i>—</i> | <i>—</i>     |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....*1*.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: .....*0*.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....*0*.....

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi:.....*Nguyễn Thị Trà My*.....

Điểm QT:.....*50*.....%; Điểm KT:.....*50*.....%

Trà Vinh, Ngày *09*..... tháng *6*..... năm *2023*

Cán bộ ghi điểm:.....*Sơn Sơn*.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....*Nguyễn Thị Linh*.....

**Danh Sách Ghi Điểm**

**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21XD

CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TM

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

06 / 6 / 2023

Phòng thi: ĐT1 10.7

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV      | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký      | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|-------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|-------------|--------------|--------|
| 1   | 111721012 | Nguyễn Hoài Ngoan | 17/06/2003 | Nam  | 8,1    | 5,25    | 6,7      | 012          | <u>Ngv2</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: .....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Chí Hòa My

Cán bộ ghi điểm: Quang

Pon Pon La

Cán bộ coi thi 2: .....

Cán bộ kiểm tra: .....

Nguyễn Thị Lành

**Danh Sách Ghi Điểm**  
**Kết thúc học phần-Lần 1**  
Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh (180001)  
Số tín chỉ 2  
Nhóm/Lớp: (82 - )/DA21XDGT  
CBGD: Nguyễn Thị Thúy Hằng (CT13)

Hình thức đánh giá: TT  
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc  
06 / 6 / 2023  
Phòng thi: ĐT1 107

| STT | Mã SV     | Họ và tên SV       | Ngày sinh  | Phái | Đ.TBQT | Điểm KT | Tổng kết | Số tờ/ Mã đề | Chữ ký             | Đôi tượng SV | Gh chú |
|-----|-----------|--------------------|------------|------|--------|---------|----------|--------------|--------------------|--------------|--------|
| 1   | 116821004 | Nguyễn Hoàng Luân  | 08/02/2003 | Nam  | 8,0    | 3,0     | 5,5      | 013          | <u>[Signature]</u> |              |        |
| 2   | 116821006 | Trần Thị Thanh Thi | 04/01/2003 | Nữ   | 9,6    | 5,75    | 7,7      | 014          | <u>[Signature]</u> |              |        |
| 3   | 116821007 | Bùi Hoàng Quý      | 05/05/2003 | Nam  | 8,5    | 5,5     | 7,0      | 015          | <u>[Signature]</u> |              |        |
| 4   | 116821011 | Tô Như Ý           | 08/09/2003 | Nữ   | 8,6    | 6,5     | 7,6      | 016          | <u>[Signature]</u> |              |        |
| 5   | 116821012 | Võ Nguyễn Thảo Vy  | 30/05/2003 | Nữ   | 10,0   | 6,0     | 8,0      | 017          | <u>[Signature]</u> |              |        |
| 6   | 116821013 | Diệp Gia Huy       | 29/05/2003 | Nam  | 8,8    | 5,25    | 7,1      | 018          | <u>[Signature]</u> |              |        |
| 7   | 116821014 | Lê Trọng Nhân      | 07/11/2003 | Nam  | 9,1    | 6,75    | 8,0      | 019          | <u>[Signature]</u> |              |        |
| 8   | 116821021 | Lê Tuấn Dũng       | 29/08/2003 | Nam  | 9,9    | 7,0     | 8,5      | 020          | <u>[Signature]</u> |              |        |

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ: .....

Cán bộ coi thi 1: [Signature] Nguyễn Thị Trà My

Cán bộ coi thi 2: .....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 09 tháng 6 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: [Signature]  
Phan Sơn La

Cán bộ kiểm tra: [Signature]

Nguyễn Thị Lành